

Số: **2305**/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **05** tháng **02** năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thay thế các Phụ lục kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thay thế các Phụ lục kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi là Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT); cụ thể như sau:

1. Thay thế Phụ lục 01 ban hành theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT bằng Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thay thế Phụ lục 02 ban hành theo Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT bằng Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính; Bưu chính, Cục trưởng các Cục: Viễn thông; Chuyển đổi số quốc gia; Báo chí; Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử; Xuất bản, in và Phát hành; Thông tin cơ sở; An toàn thông tin và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Hòa Bình (để b/c);
- Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KHTC (100).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Hoàng Phương**

**PHỤ LỤC 01**  
**CÁC CHỈ TIÊU THUỘC TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 225/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 12 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

**1. Xã có điểm phục vụ bưu chính**

Xã có điểm phục vụ bưu chính là xã có ít nhất một điểm phục vụ bưu chính đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Về cơ sở vật chất:

- Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ.

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc, trừ chủ nhật, ngày lễ, Tết.

b) Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg.

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

**2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet**

Xã có dịch vụ viễn thông, internet là xã đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Tất cả các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất.

Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

b) Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

### **3. Xã có đài truyền thanh và cụm loa đến các thôn**

a) Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông là xã có đài truyền thanh đang hoạt động theo một trong các công nghệ sau:

- Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Đài truyền thanh có dây.

- Đài truyền thanh không dây FM.

- Đài truyền thanh có cả dây và không dây FM.

b) Có tối thiểu 70% số thôn trong xã có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên.

Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

### **4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành**

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%;

Phương pháp đo lường, đánh giá:

$$\text{Tỷ lệ(\%)} = \frac{A}{B} \times 100\%$$

Trong đó:

- A là tổng số máy vi tính được trang bị cho cán bộ, công chức cấp xã để thực hiện hoạt động công vụ.

- B là tổng số cán bộ, công chức cấp xã.

b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

- Cổng/trang thông tin điện tử thành phần có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

## PHỤ LỤC 02

### CÁC CHỈ TIÊU THUỘC TIÊU CHÍ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2205 /QĐ-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Xã đạt nông thôn mới nâng cao trong lĩnh vực thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2025 là xã đạt chuẩn nông thôn mới trong lĩnh vực thông tin và truyền thông (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này) và đạt các chỉ tiêu sau đây:

#### **1. Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

Điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có ít nhất 01 máy tính được kết nối internet và sẵn sàng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến khi có nhu cầu.

#### **2. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

Xã có tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao điện thoại di động đang hoạt động trên địa bàn đạt tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.

Phương pháp đo lường, đánh giá:

$$\text{Tỷ lệ(\%)} = \frac{A}{B} \times 100\%$$

Trong đó:

- A: là tổng số thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của xã. Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh (chỉ sử dụng xác định tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao) là thuê bao sử dụng thiết bị điện thoại có khả năng truy nhập dịch vụ internet từ 3G trở lên.

- B: là tổng số thuê bao điện thoại di động của xã. Thuê bao được xác định là hoạt động trên địa bàn của xã khi thuê bao có thời gian phát sinh lưu lượng nhiều nhất tại xã đó trong kỳ báo cáo.

#### **3. Dịch vụ báo chí, truyền thông**

Xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) 100% số thôn của xã khu vực đồng bằng có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên; 90% số thôn của xã khu vực miền núi có cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên.

- Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

- Việc xác định “Cụm loa của đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên” căn cứ theo Quy chế về hoạt động của đài truyền thanh cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.

b) 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

Việc xác định “thôn” căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

c) Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm.

Điểm cung cấp xuất bản phẩm là: Trung tâm, siêu thị, nhà sách thuộc các thành phần kinh tế tổ chức, thành lập để thực hiện phát hành thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng cho, cho thuê, cho mượn, xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm đưa xuất bản phẩm đến với người sử dụng; điểm phục vụ bưu chính có xuất bản phẩm phục vụ người đọc.

#### **4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội**

Xã đáp ứng điều kiện sau:

Có tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại.

Phương pháp đo lường đánh giá:

$$\text{Tỷ lệ(\%)} = \frac{C}{D} \times 100\%$$

Trong đó:

- C là tổng số cán bộ, công chức cấp xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin.

Cán bộ, công chức cấp xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

+ Đã tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin theo Chương trình bồi dưỡng do Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc các địa phương tổ chức hằng năm và được cơ quan tổ chức bồi dưỡng xác nhận đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng.

+ Đã tham gia Chương trình bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và được cơ quan tổ chức bồi dưỡng xác nhận đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng.

- D là tổng số cán bộ, công chức cấp xã.

---

